

Bản án số: 244/2025/DS-ST

Ngày: 16/5/2025

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Tứ Nhị

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Soan

2. Bà Nguyễn Thị Huệ

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tú – Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Phượng – Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1387/2024/TLST-DS ngày 18 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 114/2025/QĐXX – ST ngày 25 tháng 3 năm 2025 (Quyết định hoãn phiên tòa số 125/2025/QĐST – DS ngày 23/4/2025) giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng A

Trụ sở: quận Ba Đình, TP Hà Nội

Người đại diện ủy quyền: Ông Phạm Văn Mười H, sinh năm 1974

Văn bản ủy quyền số 834/GUQ – NHNo.PMH ngày 20/12/2024

Bị đơn: Ông Đỗ Phước N, sinh năm 1989

Địa chỉ: huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An

Tạm trú: quận Gò Vấp, TPHCM

Đại diện nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng A và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 20/01/2017 ông Đỗ Phước N có ký Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số 1702000026 với Ngân hàng A - Chi nhánh Phú Mỹ Hưng để vay hạn mức tín dụng là 55.000.000 đồng, mục đích vay là để tiêu dùng, lãi suất 13%/ năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn.

Quá trình thực hiện hợp đồng, do ông N vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ tín dụng và chuyển toàn bộ dư nợ gốc là 55.257.093 đồng sang nợ lãi quá hạn và tính lãi quá hạn từ ngày 25/01/2019. Sau đó, từ ngày 11/02/2019 đến ngày 10/7/2019 ông N thanh toán thêm số tiền 17.353.855 đồng, ngân hàng trừ vào nợ gốc nên nợ gốc còn lại là 39.894.952 đồng. Tính tới ngày 25/3/2025 ông Đỗ Phước N còn dư nợ chưa thanh toán cụ thể như sau: Nợ gốc 39.894.952 đồng + lãi quá hạn 53.890.809 đồng = 93.785.761 đồng. Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Đỗ Phước N thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Đồng thời tiếp tục thanh toán lãi phát sinh cho đến khi thi hành án xong theo thỏa thuận của hợp đồng.

Bị đơn là ông Đỗ Phước N mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đến tòa án làm bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông N không đến. Do đó, Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tòa án cũng đã tổng đạt thông báo về kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho ông N nhưng ông N vẫn vắng mặt do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Đỗ Phước N.

Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, có nộp bản tự khai, bảng kê gốc lãi chưa thanh toán tính đến ngày xét xử sơ thẩm cụ thể như sau: Nợ gốc 39.894.952 đồng + nợ lãi 56.546.608 đồng = 96.441.560 đồng. Ngân hàng đề nghị bị đơn thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và yêu cầu bị đơn tiếp tục trả lãi theo thỏa thuận của hợp đồng tính từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong.

Bị đơn vắng mặt không ghi nhận được ý kiến.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án, Thẩm phán thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp, xác định đúng tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng; Đảm bảo thời hạn xét xử, gửi quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh nghiên cứu đúng quy định tại Điều 203, khoản 2 Điều 220 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về xét xử sơ thẩm vụ án.

Về người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn chưa thực

hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp nhận thấy có cơ sở để chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Bị đơn còn phải tiếp tục trả lãi theo thỏa thuận của hợp đồng cho đến khi thi hành án xong.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm tính trên số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn. Hoàn lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1]. *Về tố tụng:*

1.1 Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:

Bị đơn vay tiền của nguyên đơn để phục vụ nhu cầu tiêu dùng nên xác định giữa bị đơn và nguyên đơn có giao kết hợp đồng dân sự vay tài sản thông qua hình thức cấp tín dụng nên đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 100 [Luật Tổ chức tín dụng năm 2024](#).

Đối với bị đơn là ông Đỗ Phước N, tại thời điểm ký kết hợp đồng bị đơn có đăng ký tạm trú tại địa chỉ quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh. Tòa án đã tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ về tình trạng cư trú của bị đơn, kết quả thể hiện: “*Ông Đỗ Phước N có đăng ký tạm trú tại quận Gò Vấp, TPHCM hiện không còn cư ngụ tại địa chỉ trên, đi đâu không rõ*”. Điều này cho thấy người khởi kiện cung cấp đầy đủ, đúng địa chỉ cư trú của người bị kiện nhưng người bị kiện thay đổi nơi cư trú mà không thông báo địa chỉ mới cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định pháp luật về cư trú. Thể hiện mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ của bị đơn. Nguyên đơn khởi kiện bị đơn tại nơi cư trú cuối cùng là quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh, điều này phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.2 Về người tham gia tố tụng:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn đã được tòa án triệu tập hợp lệ từ khi thụ lý đến khi xét xử nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Đương sự không đến tòa án để tham gia phiên tòa giải quyết vụ án là đã tước bỏ quyền được chứng minh của mình, đương sự phải chịu hậu quả của việc không chứng minh. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét giải quyết vụ án vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung quy định tại khoản 4 Điều 91; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Xét yêu cầu của các đương sự:*

Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, bản tự khai, hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số 1702000026 ngày 20/01/2017 và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có cơ sở để khẳng định: Nguyên đơn có cấp tín dụng cho bị đơn với hạn mức 55.000.000 đồng để tiêu dùng. Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán trong quá trình thực hiện hợp đồng nên nguyên đơn đã chuyển nợ quá hạn từ ngày 25/01/2019. Tính đến thời điểm xét xử bị đơn còn dư nợ gốc 39.894.952 đồng + nợ lãi 56.546.608 đồng = 96.441.560 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán đã thỏa thuận. Nguyên đơn đã tính đúng về nợ gốc và lãi, nội dung yêu cầu của nguyên đơn được các bên tự nguyện thỏa thuận tại Bảng điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng A - Chi nhánh Phú Mỹ Hưng. Chủ thể ký kết nội dung và hình thức giao kết phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 117, Điều 118, Điều 119 của Bộ luật Dân sự và khoản 2 Điều 100 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024 nên Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc các bên phải thực hiện đúng nội dung đã thỏa thuận. Bị đơn còn phải tiếp tục trả lãi, phí theo thỏa thuận giữa hai bên được ký kết trong hợp đồng tính từ thời điểm xét xử cho đến khi thi hành án xong.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Căn cứ quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

[4] Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[5] Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tại phiên tòa là phù hợp với phần nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40, khoản 1 và khoản 4 Điều 91, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 117, 118, 119, 463; khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 100, Điều 103 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2024;

Căn cứ vào Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014);

Căn cứ Luật phí và lệ phí và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng A đối với bị đơn là Ông Đỗ Phước N.

Buộc ông Đỗ Phước N phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng A số tiền 96.441.560 đồng (chín mươi sáu triệu, bốn trăm bốn mươi một ngàn, năm trăm sáu mươi đồng). Trong đó, nợ gốc là 39.894.952 đồng (ba mươi chín triệu, tám trăm chín mươi bốn ngàn, chín trăm năm mươi hai đồng) và nợ lãi 56.546.608 đồng (năm mươi sáu triệu, năm trăm bốn mươi sáu ngàn, sáu trăm lẻ tám đồng). Thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ông Đỗ Phước N còn phải tiếp tục trả lãi theo thỏa thuận của hợp đồng kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Đỗ Phước N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.822.078 đồng (bốn triệu, tám trăm hai mươi hai ngàn, không trăm bảy mươi tám đồng).

- Hoàn tiền tạm nộp án phí cho Ngân hàng A là 1.789.374 đồng (một triệu, bảy trăm tám mươi chín ngàn, ba trăm bảy mươi bốn đồng) theo biên lai thu số AA/2023/0037705 ngày 11/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Về quyền kháng cáo và kháng nghị bản án: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSNDQG;
- CCTHADS QGV;
- Đương sự;
- Lưu VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Lê Tứ Nhị